

Dẫn đề môi trường **và kinh nghiệm quản lý của Trung Quốc**

TS. ĐỖ MINH CAO

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Trung Quốc trong những năm tới là “Xây dựng văn minh sinh thái, cơ bản hình thành cơ cấu ngành nghề, xây dựng phương thức tăng trưởng và mô hình tiêu dùng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Kinh tế tuần hoàn hình thành ở quy mô tương đối lớn, tỷ lệ năng lượng có thể tái sinh tăng rõ rệt. Khống chế có hiệu quả các chất thải ô nhiễm chính, chất lượng môi trường sinh thái được cải thiện rõ rệt. Quan niệm văn minh sinh thái được xây dựng vững chắc trong toàn xã hội”¹

Đề ra nhiệm vụ và phương hướng chính giải quyết vấn đề này mới chỉ là bước khởi đầu. Để có được thành quả cụ thể cần phải có những giải pháp đồng bộ, liên ngành linh hoạt, phù hợp điều kiện,

hoàn cảnh toàn quốc và từng địa phương. Làm thế nào để những chủ trương, chính sách mang tầm vĩ mô về bảo vệ môi trường ở Trung Quốc đạt thành tích ngang tầm với phát triển kinh tế nói chung trong những năm tới là một trong những mục tiêu quan trọng của Trung Quốc.

1. Chủ trương, chính sách: khởi đầu của phát triển

Ô nhiễm môi trường ở Trung Quốc không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và đời sống của người dân mà còn ảnh hưởng cả tới nhiều nước xung quanh², có nghĩa là vấn đề ô nhiễm môi trường của Trung Quốc đã vượt khỏi biên giới quốc gia của nước này. Trung Quốc được đánh giá là một trong những nước ô nhiễm nhất thế giới³.

Giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm môi trường, được ước tính khoảng 100 tỷ NDT hay 12,8 tỷ USD mỗi năm (khoảng 1,4 % GDP) từ 1990 đến 1998⁴ đã lên đến 511,8 tỷ NDT hay 68 tỷ USD (khoảng 3 % GDP) trong năm 2004⁵ và 1.505,8 tỷ NDT hay 200 tỷ USD trong năm 2005 (khoảng 9% GDP 2.260 tỷ USD)⁶.

Điều đó có nghĩa là ô nhiễm môi trường dường như xoá sạch mức tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc.

Đảng, Chính phủ, nhân dân Trung Quốc hiểu rất rõ điều này. Sự cần thiết phải có một chiến lược bảo vệ môi trường ở nước này đã được đề cập nhiều năm trước khi diễn ra Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVII.

Ngay từ năm 1983, bảo vệ môi trường đã được Đảng và Nhà nước Trung Quốc coi là quốc sách. Năm 1994, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành "Luật bảo vệ môi trường nước CHND Trung Hoa", coi đây là chủ thể của hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường. Tháng 3-1994, Chính phủ Trung Quốc phê chuẩn và ban hành "Sách trắng về phát triển và dân số, bảo vệ môi trường". Cũng trong năm 1994, theo sáng kiến của Liên Hợp Quốc, Trung Quốc đã soạn thảo một kế hoạch tổng thể thực hiện bảo vệ môi trường trong Chương trình nghị sự 21 của Trung Quốc (China Agenda 21).

Năm 1996, Trung Quốc bắt đầu công bố và thực hiện kế hoạch 5 năm về bảo vệ môi trường. Năm 1998, Cơ quan quản

trị Môi trường nhà nước (State Environmental Protection Administration- SEPA) được nâng lên cấp bộ có nhiều quyền hạn hơn, với ngân sách khoảng 1% GDP nhằm mục tiêu chấm dứt tình trạng suy thoái môi trường vào năm 2010⁷.

Điều 26, Hiến pháp sửa đổi năm 1982 đã nêu rõ: "Nhà nước có nhiệm vụ bảo vệ và cải thiện môi trường sống của người dân và hệ sinh thái, ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm và các nguy hiểm công cộng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và động vật hoang dã". Tính đến nay, Trung Quốc đã ban hành 6 bộ luật về bảo vệ tài nguyên, 29 bộ điều lệ bảo vệ môi trường, hơn 70 quy chế, và trên 900 điều lệ của địa phương⁸.

Chính phủ Trung Quốc xác định, để thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường trước hết phải có được một hành lang pháp lý với những điều luật và chính sách cụ thể làm nền tảng thực hiện công cuộc khó khăn này.

Ngày 14-3-2006, tại cuộc họp báo kết thúc kỳ họp thứ 4 khoá X Quốc hội Trung Quốc, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Ôn Gia Bảo khẳng định, Trung Quốc cần áp dụng những biện pháp thực tiễn trong cuộc đấu tranh chống ô nhiễm môi trường, không nên theo lối cũ là gây ô nhiễm môi trường rồi sau đó mới xử lý: "Chúng ta nên dành những dãy núi xanh và nước sạch cho con cháu chúng ta".

Trung Quốc sẽ thắt chặt việc thi hành luật và bảo vệ môi trường song song với

luật sẽ thi hành nghiêm ngặt chính sách công nghiệp, đặc biệt là xử lý từng bước ô nhiễm nước, không khí và đất.

2. Giải pháp thực hiện: nghệ thuật quản lý phát triển

Ngày 17 và 18-4-2006 tại Bắc Kinh đã diễn ra Hội nghị toàn quốc bảo vệ môi trường. Tại đây Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo nêu rõ, bảo vệ môi trường là một khâu yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc. Nguyên nhân chính là Trung Quốc không chú ý đầy đủ đến môi trường, đến những biện pháp tăng trưởng kinh tế tích cực, kiểm soát yếu kém việc thực hiện luật bảo vệ tự nhiên.

Trên thực tế, chiến lược bảo vệ môi trường đã được Trung Quốc tiến hành từ những năm cuối thế kỷ XX. Bên cạnh chủ trương xây dựng tốt hành lang pháp lý, Trung Quốc còn định rõ một số biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

2.1. Tăng cường hoàn thiện ngành bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường là ngành mới xuất hiện ở Trung Quốc, bao gồm phát triển kỹ thuật, sản xuất sản phẩm, lưu thông sản phẩm, sử dụng tài nguyên, dịch vụ thông tin và thầu khoán công trình... liên quan mật thiết tới môi trường.

Ngành bảo vệ môi trường được Trung Quốc xếp vào lĩnh vực ưu tiên và hưởng chính sách ưu đãi trong các lĩnh vực đầu tư, giá cả, thuế v.v... Hiện nay, Trung Quốc có hơn 100 nghìn đơn vị chuyên trách hoặc bán chuyên trách về bảo vệ

môi trường, trong đó có hơn 8.500 doanh nghiệp, hơn 1.500 đơn vị sự nghiệp (bao gồm các viện, sở nghiên cứu khoa học) với hơn 1,8 triệu người làm việc. Tổng giá trị của ngành bảo vệ môi trường là 108 tỷ NDT, tài sản cố định trị giá 45,011 tỷ NDT, tổng giá trị sản lượng hàng năm 31,248 tỷ NDT, lợi nhuận 4,091 tỷ NDT, mức tăng trưởng hàng năm 15%.

Trung Quốc đã thực thi 4 biện pháp lớn nhằm phát triển ngành bảo vệ môi trường.

Một là, thiết lập và hoàn thiện chính sách cho ngành bảo vệ môi trường. Nhà nước công bố danh mục khuyến khích phát triển ngành; thiết lập và hoàn thiện chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế, sử dụng tổng hợp tài nguyên; xây dựng và hoàn thiện chế độ thu phí xử lý rác, nước thải thành phố, điều chỉnh tiêu chuẩn thu phí xử lý rác thích hợp để thoả mãn nhu cầu vận chuyển và xây dựng công trình xử lý rác, nước thải thành phố. Các vùng có điều kiện phải xây dựng quỹ phát triển cho ngành bảo vệ môi trường.

Hai là, đẩy nhanh phát triển khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường, đưa những vấn đề khoa học công nghệ lớn của ngành bảo vệ môi trường vào kế hoạch đầu tư thường niên; tăng cường xây dựng năng lực kỹ thuật mới cho doanh nghiệp bảo vệ môi trường, tăng cường đầu tư sáng tạo kỹ thuật mới; thúc đẩy hơn nữa việc kết hợp "nghiên cứu khoa học với sản xuất"; đẩy mạnh

chuyển hoá các kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường vào sản xuất; đẩy nhanh việc ứng dụng và mở rộng khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường tiên tiến; tăng nhanh tiến trình nội địa hoá các trang thiết bị và các công nghệ then chốt của ngành bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống quản lý hiệu quả ngành bảo vệ môi trường trong nước. Lấy nội địa hoá trang thiết bị và công nghệ then chốt của ngành bảo vệ môi trường làm nội dung quan trọng trong kế hoạch sáng tạo kỹ thuật mới của Nhà nước.

Ba là, tăng cường quản lý, giám sát, bồi dưỡng và chuẩn hoá thị trường ngành bảo vệ môi trường.

Nhà nước đã chỉ đạo các cấp, các ngành vận dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, pháp luật và hành chính cần thiết để xây dựng một thị trường bảo vệ môi trường thống nhất, mở cửa, cạnh tranh lành mạnh và có trật tự.

Bốn là, nghiên cứu xây dựng cơ chế phát triển ngành bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

2.2. Ưu tiên thực hiện những giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường

Hiện nay, trong bất kỳ một thiết kế dự án phát triển nào của Trung Quốc, khía cạnh môi trường là tiêu chí bắt buộc phải được xem xét ngang bằng với tính khả thi và hiệu quả kinh tế của dự án. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn tồn tại nhiều vấn đề nan giải, đòi hỏi Trung Quốc phải tìm cách tháo gỡ.

Việc để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là vụ sữa nhiễm chất độc melamine được phát hiện tháng 10-2008 chính là một ví dụ điển hình trong công tác phòng ngừa ô nhiễm của Trung Quốc.

Điều này khiến Việt Nam phải suy nghĩ tới tới công tác phòng ngừa gây ô nhiễm, tránh các vụ việc tương tự như Công ty bột ngọt Vedan, Miwon gây ô nhiễm nghiêm trọng, làm “chết” con sông Thị Vải tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác.

2.3. Phải có được những khâu đột phá quan trọng khi thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường

- Hình thành và thúc đẩy tốt hoạt động của ngành bảo vệ môi trường với tư cách là một ngành có đối tượng cụ thể, có tư cách pháp nhân, có quy chế và nguồn lực phát triển. Đồng thời cần tiến hành thống kê sinh thái với những tiêu chí sau:

- Khối lượng chất thải ô nhiễm tính theo số lượng theo khu vực kinh tế;

- Chi phí thực tiễn bảo vệ môi trường tính theo khu vực kinh tế;

- Chi phí dự trừ nhằm khắc phục tác động xấu của ô nhiễm theo khu vực kinh tế;

- Sản phẩm công nghiệp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên;

- Thuế, tiền nộp và tiền đầu tư sinh thái;

- Nguồn và sự thay đổi về nguồn biểu hiện theo con số và giá trị của rừng,

nước khoáng, nguồn năng lượng, chính sách, đất đai v.v...

- Dòng các nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng theo các ngành biểu hiện bằng số lượng và giá trị;

- Đánh giá giá trị sự xuống cấp của môi trường; các chỉ số vĩ mô đã được điều chỉnh (thí dụ GDP “xanh”, thu nhập quốc dân hay sự bảo tồn ổn định);

Tại Trung Quốc người ta cho rằng để chuyển đổi thành công sang phát triển bền vững cần phải tiến hành điều chỉnh GDP theo hướng sinh thái và điều đó sẽ tốt hơn cho việc phát triển có kế hoạch và thể hiện rõ hơn bức tranh các quá trình đang diễn ra trong nước. Năm 2004, việc sản xuất các sản phẩm tại Trung Quốc đã phải chi phí nguồn năng lượng gấp 4,3 lần so với Mỹ; 7,7 lần so với Đức và Pháp; 11, 5 lần so với Nhật Bản. Năm 2004, GDP Trung Quốc chiếm 4,4% GDP thế giới nhưng để tạo được số GDP này Trung Quốc đã phải sử dụng tới 7,4% tổng lượng dầu, 31% than, 30% quặng sắt và 27% thép cán của thế giới.

Từ năm 1949 đến năm 1997, GDP Trung Quốc tăng lên gấp 10 lần nhưng số lượng khoáng sản được sử dụng tăng lên 40 lần. Từ năm 1990 đến năm 2001 sử dụng dầu lửa tăng 100% (từ 118 triệu tấn lên 235 triệu tấn), nhu cầu khí tự nhiên tăng lên 40%, sử dụng thép cán tăng 143%, đồng 189%. Một số nhà khoa học cho rằng có từ 3 đến 7% GDP được tạo ra tại Trung Quốc là do cái giá phải trả vì sự xuống cấp của môi trường. Như vậy trong 10 năm phát triển hằng năm

phải sử dụng tới 40 đến 60% GDP để khôi phục sinh thái¹².

Thống kê này giúp Trung Quốc đưa ra được những giải pháp tích cực phát triển GDP “xanh”, cải thiện nhanh môi trường của mình.

Bài học kinh nghiệm này sẽ hữu ích đối với Việt Nam.

2.4. Huy động tối đa sức mạnh tổng hợp cho chiến lược bảo vệ môi trường

Điều này thể hiện trên nhiều phương diện. Quan trọng hơn cả là: - Ngành bảo vệ môi trường ở Trung Quốc được phát triển tại tất cả các cấp từ trung ương đến các cơ sở sản xuất; - Trung Quốc khuyến khích đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của toàn dân trong sự nghiệp quan trọng này; - Trung Quốc cộng tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực trong vấn đề bảo vệ môi trường...

3. Một số kinh nghiệm quản lý phát triển thông qua bảo vệ môi trường.

3.1. Biện pháp thay thế

Để duy trì tăng trưởng kinh tế tốc độ cao, trong nhiều năm liền Trung Quốc sử dụng nhiều nguồn năng lượng, trong đó than đá, dầu lửa... chiếm tỷ lệ rất cao. Việc sử dụng hai nguồn nhiên liệu này là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trầm trọng, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người dân. Khắc phục nhược điểm này, Trung Quốc đã đóng cửa rất nhiều mỏ khai thác than nhỏ, kỹ thuật khai thác lạc hậu không đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm. Về lâu dài,

Trung Quốc đã áp dụng biện pháp thay thế mục tiêu dài hạn hơn. Đó là sử dụng các nguồn năng lượng khác thay thế dần việc sử dụng than, bao gồm nguồn năng lượng tái sinh như thủy điện, đặc biệt là các nguồn năng lượng khai thác từ tự nhiên như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng từ lòng đất (địa nhiệt), năng lượng sinh khối, năng lượng sóng, năng lượng hydro...

Theo chương trình phát triển dài hạn đến năm 2050 của ngành năng lượng, thì năng lượng tái sinh sẽ là trọng tâm phát triển của năng lượng Trung Quốc vào giai đoạn phát triển thứ hai. Giai đoạn 1 kết thúc năm 2020 với nhiệm vụ cơ bản là phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng và thu giữ CO₂. Giai đoạn 2 từ năm 2021 đến năm 2030, tăng cường khai thác năng lượng tái sinh, nâng cao tối đa sử dụng năng lượng mặt trời, biến năng lượng này thành nguồn năng lượng chính của đất nước. Giai đoạn 3 có nhiệm vụ cắt giảm nguồn nhiên liệu hoá thạch xuống dưới 60% tổng năng lượng sử dụng tại Trung Quốc¹³.

Với việc triển khai tích cực chính sách khai thác các nguồn năng lượng mới, sạch, trong tương lai gần, ngành năng lượng sạch Trung Quốc đảm bảo cho người sử dụng một môi trường trong sạch góp phần phát triển ngành năng lượng Trung Quốc nói chung theo hướng bền vững¹⁴.

3.2. Biện pháp thị trường

Một trong những hướng quan trọng trong chương trình hành động vì môi trường của Trung Quốc trong kế hoạch 5

năm lần thứ 11 và sau này của Trung Quốc là thúc đẩy các lực lượng thị trường, biến chúng trở thành những đồng minh quan trọng cho cuộc chiến vì một tương lai sạch đẹp hơn.

Trong điều kiện vẫn áp dụng giá bao cấp, đặc biệt đối với ngành than, Trung Quốc cần có chính sách *thuế* than đánh vào các loại than bụi và khí sunfua cao để phản ánh sát hơn các chi phí xã hội. Việc thực thi từng bước và có thông báo trước loại thuế này sẽ khuyến khích đầu tư nâng cao công suất làm sạch than và nâng cao hiệu suất của các nồi hơi. Đồng thời, loại *thuế* này sẽ tác động tới hành vi của hàng triệu hộ dân hay doanh nghiệp nhỏ dùng than.

Đối với nhiên liệu dầu lửa và dầu diesel cũng diễn ra trường hợp tương tự. Ở Trung Quốc giá máy bơm rẻ hơn nhiều so với tiêu chuẩn quốc tế, còn dầu diesel dùng cho nông nghiệp vẫn được bao cấp. Giá dầu hoả ở Trung Quốc chênh lệch so với một số nước trên thế giới rất nhiều. Một lít dầu lửa ở Hàn Quốc giá 0,87 USD, ở Nhật Bản giá 1,13 USD nhưng ở Trung Quốc chỉ là 0,28 USD. Từ đó, người tiêu dùng rất thoải mái tiêu xài nguồn nhiên liệu này. Tăng từng bước *thuế nhiên liệu* đối với dầu hoả và dầu diesel tức là giảm bớt sự chênh lệch này sẽ khuyến khích người tiêu dùng sử dụng tiết kiệm nhiên liệu.

Cục Bảo vệ môi trường Quốc gia đề nghị tăng thuế gây ô nhiễm không khí lên 10 lần và nhận được sự đồng tình cao. Việc duy trì thường xuyên loại thuế này, đặc biệt đối với khu vực phi nhà

nước (nơi chi phí giảm ô nhiễm thấp hơn nhiều do mức độ giảm ô nhiễm của các công ty này thấp) sẽ làm giảm đáng kể lượng chất thải với chi phí tương đối thấp.

3.3. Quy hoạch và điều tiết

Một trong những điều tiết cơ bản là mở rộng quyền hạn quản lý của cơ quan môi trường. Hiện tại, Cục Bảo vệ môi trường Quốc gia Trung Quốc mới chỉ quản lý vấn đề chất thải của 70.000 công ty - một phần nhỏ trong số rất nhiều doanh nghiệp đang hoạt động ở Trung Quốc. Những xí nghiệp hương trấn và xí nghiệp làng xã, đặc biệt trong các ngành như luyện cốc, luyện kim, khai thác than luôn gây nhiều ô nhiễm đều chưa thuộc quyền quản lý của cơ quan môi trường. Bước đi đầu tiên mang tính đột phá là việc Quốc Vụ viện Trung Quốc quyết định đóng cửa 60.000 xí nghiệp hương trấn nhỏ gây ô nhiễm. Trước hết phải tìm cách giảm bớt độ gây bụi của than xuống 50-80% và tách bỏ được tới 30-40% lưu huỳnh. Sau này, nếu áp dụng lọc không khí có thể loại bỏ được tới 90% lưu huỳnh.

Gần đây nhiều mỏ than nhỏ không đem lại năng suất cao và là nguồn gây ô nhiễm cũng bị Chính phủ buộc phải đóng cửa. Bộ Đất đai và tài nguyên Trung Quốc tuyên bố đến năm 2010 số lượng các mỏ than nhỏ tại các vùng khai thác than sẽ giảm tới 70%, đến năm 2015 sẽ đóng cửa tất cả những mỏ than nhỏ.

Thay đổi hệ thống kế hoạch hoá đầu tư cũng là một hướng đem lại kết quả tích cực cho môi trường. Một thời gian

dài việc kế hoạch hoá đầu tư không được theo dõi chặt chẽ dẫn đến tình trạng các địa phương, đặc biệt là cấp tỉnh đã phê duyệt đầu tư vào các nhà máy năng lượng nhỏ công suất thấp mà không thông qua sự phê chuẩn của Trung ương. Kết quả là xuất hiện khoảng 80% nhà máy năng lượng công suất dưới 100 MW với hiệu suất xử dụng nhiên liệu thấp trong khi chi phí giảm ô nhiễm lại rất cao so với ở các nhà máy lớn. Tăng cường quản lý vĩ mô các dự án năng lượng từ Trung ương sẽ hạn chế được tình trạng này và đem lại hy vọng cho vấn đề môi trường.

3.4. Biện pháp dự phòng

Đó là việc Trung Quốc đã giữ lại lượng dầu hoá hoặc khí gas bằng 1/3 trữ lượng của mỏ khai thác “để dành cho tương lai”. Việc này mang ý nghĩa chiến lược to lớn. Trong những trường hợp khẩn cấp bất thường, Trung Quốc có nguồn dự trữ chiến lược quan trọng dùng trong quốc phòng và trong hoạt động kinh tế. Ý nghĩa bảo vệ môi trường ở đây rất sâu xa. Việc để lại một lượng đáng kể nguồn nhiên liệu chưa khai thác đòi hỏi một lực lượng nhân lực hạn chế để gìn giữ bảo quản những khu mỏ này. Kết quả là môi trường sinh thái nơi này vẫn được duy trì ở mức bình thường, sinh hoạt của người dân không bị xáo trộn, môi trường xung quanh không bị huỷ hoại¹⁵.

Bài học kinh nghiệm này rất hữu ích đối với Việt Nam, nhất là với các mỏ than có tầm chiến lược, hay các khu mỏ, kim

loại quý hiếm khác tại những khu vực miền núi của Việt Nam.

Nhận xét

Rõ ràng trong quá trình thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường ở Trung Quốc, một mô hình quản lý phát triển trong lĩnh vực này đã dần dần lộ diện. Sự chủ động tham gia và tích cực đóng góp nhiều sáng kiến thiết thực của các tổ chức bảo vệ môi trường đã là những đảm bảo cho sự thành công trong chiến lược bảo vệ môi trường ở Trung Quốc.

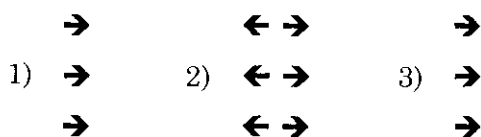
Mô hình phát triển và quản lý phát triển trong lĩnh vực bảo vệ môi trường Trung Quốc có thể được hình dung theo sơ đồ sau:

1) Chủ trương chính sách → 2) Những biện pháp thực hiện → 3) Kết quả đạt được.

Nhìn bề ngoài, mô hình này thật đơn giản và hồ như không có gì phải bàn. Nhưng khi xem xét mô hình này trên quan điểm phát triển và quản lý phát triển mới thấy mối liên kết logic giữa các bộ phận độc lập, song lại không thể tách rời trong kết cấu thống nhất này. Tùy bối cảnh, mối liên kết này có thể chặt chẽ, có thể rời rạc, thậm chí không cần có sự liên kết với nhau. Xin nêu một ví dụ cho luận đề hồ như mẫu thuẫn vừa nêu trên. Trong một cơ chế quan liêu thì khâu đầu thuộc về chủ thể quản lý. Sắc lệnh (chủ trương chính sách) được ban hành. Chủ thể quản lý sẽ nhận được kết quả mà không cần biết kết quả đó được thực hiện bằng cách nào (tức là không cần khâu trung gian). Bằng hình ảnh cụ thể có thể thấy việc đắp đê chống lũ dưới

thời phong kiến là ví dụ phù hợp cho mô hình phát triển kiểu này. Chính quyền phong kiến Trung ương quan liêu ra lệnh phải đắp xong một con đê chống lũ tại một địa điểm nhất định, nhưng việc thực hiện như thế nào thì chỉ các quan lại địa phương mới biết. Đến thời hạn, chính quyền Trung ương cử người tiếp nhận thành quả là một con đê (tốt/không tốt). Trong mô hình này, khâu quản lý bị buông lỏng nên không thể có được kết quả cuối cùng theo như mong muốn. Mô hình phát triển và quản lý phát triển này không bền vững.

Ba công đoạn phát triển và quản lý phát triển bền vững nếu được thể hiện bằng biểu đồ sẽ như sau :



Theo biểu đồ này, sự khác biệt nằm ở khâu thứ 2). Chính khâu này quyết định sự bền vững của mô hình (hệ thống). Thiếu hoặc lỏng lẻo trong khâu này sẽ dẫn đến sự méo mó và không bền vững của mô hình (hệ thống).

Từ mô hình phát triển và quản lý phát triển của Trung Quốc thông qua công tác bảo vệ môi trường có thể đúc kết kinh nghiệm cụ thể đối với Việt Nam, đó là, sự phát triển bao trùm toàn bộ cả ba khâu 1), 2) và 3). Quản lý phát triển là khâu 2).

Trong công tác bảo vệ môi trường Trung Quốc, khâu 1) là chủ trương chính sách, do Đảng, Quốc hội Trung Quốc đảm trách, dù có bàn đi tính lại thì khâu

này vẫn là thuận chiều; khâu 2) có nghĩa là việc thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường do các cơ quan chính quyền các cấp thực hiện. Thành bại của chiến lược nằm trong khâu này. Có thể thực hiện một chiều thuận theo như những nghị quyết đề ra. Nhưng như thế kết quả, tức khâu 3) đạt được sẽ không như ý muốn (tốt/không tốt). Nếu khâu 2) thực hiện theo nhiều phương án khác nhau, có sự sáng tạo và sự tham gia của quần chúng thì kết quả (khâu 3) đạt được sẽ như/vượt quá sự mong đợi.

Những bài học kinh nghiệm Việt Nam có thể học tập được ở Trung Quốc trong công tác bảo vệ môi trường chính là tại khâu 2) này.

CHÚ THÍCH :

1. Báo cáo của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc. TLTKĐB, ngày 20-10-2007.

2. Nguyễn Minh Quang: *Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa: vấn đề quốc gia hay thảm họa thế giới?* <http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en>; Châu Á "nghệt thở" vì khói bụi từ Trung Quốc <http://www.hanoipc.evn.com.vn/EVNShow/tintuc1.asp?InforID=3380&CategoryID=880&Pos=880&rCount=2506>; "Trung Quốc là thảm họa với môi trường": Đúng hay Sai? <http://tuanvietnam.net/vn/tulieusuyngam/1818/index.aspx>

3. *Trung Quốc vượt Mỹ về phát thải khí nhà kính*, [www. Moi.gov.vn](http://www.Moi.gov.vn), ngày 03-05-2007. Xem thêm: Đỗ Minh Cao. Chiến lược bảo vệ môi trường của Trung Quốc. Nghiên cứu Trung Quốc. 2007, số 6(76) tr. 19-29.

4. Gaoming Jiang and Jixi Gao. January 12, 2007. "The terrible cost of China's growth."

<http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en>.

5. The Associated Press. July 17, 2007. "Pollution undermining China, report says." <http://www.iht.com/articles;>

Michael Bristow. July 23, 2007. "China postpones pollution report." *BBC News, Beijing*. <http://news.bbc.co.uk/1/hi/world>

6. Agencies/Xinhua. June 5, 2006. "Pollution costs US\$200b each year." <http://www.chinadaily.com>.

Shanghai Daily. June 6, 2006. "Pollution costs equal 10% of China's GDP." <http://www.chinadaily.com>.

Paul Sussman. June 6, 2007. "China: Economic Growth, environmental destruction." *CNN*. <http://edition.cnn.com/2007>.

7. Alex Wang. October 31, 2000. "The Downside of Growth: Law, Policy and China's Environmental Crisis." *Perspective, Vol. 2, No. 2*. Overseas Young Chinese Forum. Rockville, Maryland.

8. Nguyễn Minh Quang. *Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa: vấn đề quốc gia hay thảm họa thế giới?* <http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en>

9. Xinhuanet.com, 14/03/2006

10. [www. China.org.cn](http://www.China.org.cn), ngày 19-4-2006.

11, 12. Лапердина В.В. Экологическая статистика. Опыт Китая // Проблемы Дальнего Востока. 2007. N 4 (Laperdina. V.V. Thống kê sinh thái. Kinh nghiệm Trung Quốc. Những vấn đề Viễn Đông. 2007, số 4.)

13. Trung Quốc đề ra kế hoạch phát triển năng lượng đến năm 2050. Theo Tân hoa xã. [www. vietstock.com.vn](http://www.vietstock.com.vn), ngày 27/9/2007

14. Xem thêm: Đỗ Minh Cao. *Năng lượng tái sinh ở Trung Quốc*. Nghiên cứu Trung Quốc. 2008, số 6.

15. Xem thêm: Đỗ Minh Cao. *Năm 2005: Bước chuyển chiến lược trong chính sách quân sự và an ninh của Trung Quốc*. Trong cuốn; Báo cáo phát triển Trung Quốc - tình hình và triển vọng. Đỗ Tiến Sâm chủ biên. Nxb Thế giới, Hà Nội. 2006.